

Số: 26/QĐ-HĐGSNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 14/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2024-2029;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ đề xuất của các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2025 về Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của 28 Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2025 (danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Chủ tịch Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành, Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2025, Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐGSNN;
- Các HDGS ngành, liên ngành (để thực hiện);
- Các HDGS cơ sở (để thực hiện);
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Kim Sơn

24. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH VĂN HÓA-NGHỆ THUẬT-THỂ DỤC THỂ THAO

a) Các chuyên ngành (Specialization):

- 1.1. Báo chí (Press)
- 1.2. Viết văn (Writting)
- 1.3. Quản lý văn hoá (Cultural Management)
- 1.4. Xuất bản và phát hành sách (Publication and distribution of books)
- 1.5. Thư viện – Thông tin (Library and Information)
- 1.6. Di sản văn hoá (Culture Heritage)
- 1.7. Văn hoá học (Culturology)
- 1.8. Âm nhạc (Music)
- 1.9. Sân khấu (Theatre)
- 1.10. Điện ảnh (Cinema)
- 1.11. Múa (Dancing)
- 1.12. Mỹ thuật tạo hình (Plastic arts)
- 1.13. Mỹ thuật công nghiệp (Industrial arts)
- 1.14. Thể thao (Sport)
- 1.15. Du lịch (Tourism)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
I	Nhóm tạp chí áp dụng chung cho ngành Văn hóa, Nghệ thuật, Thể dục thể thao				
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq$ 2,0)	0 – 3,0
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF < 2,0)	0 – 2,0
				ISI, Scopus	0 – 1,5
			Tạp chí	Top 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo Times Higher Education World University Rankings (THE)	0 – 1,25
2.	Các tạp chí quốc tế khác (*)		Tạp chí	Do HDGS liên ngành quyết định từng trường hợp cụ thể	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 - 1,0
4.	Báo cáo khoa học tại Hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ 2017 phải có chỉ số ISBN	0 – 0,5

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

5.	Bảo tàng và nhân học	0866-7616	Tạp chí	Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020
6.	Châu Mỹ ngày nay	2354-0745 (0868-3654)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020
7.	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 - 0,5 0 - 0,75 từ 2019 0 – 1,0 từ 2020
8.	Giáo dục và Xã hội	1859-3917	Tạp chí	Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam	0 – 0,5 từ 2019
9.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Bản B)	1859-4794 e-2615-9929	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5 từ 2019 0 – 0,75 từ 2023 0 – 1,0 từ 2024
10.	Khoa học Đại học Huế: Khoa học xã hội và nhân văn	2588-1213, e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5 từ 2020
11.	Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và phát triển	2588-1205 e-2615-9716	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25 từ 2020
12.	Khoa học: Nghiên cứu Giáo dục (VNU J.o. Science: Education Research)	2615-9325 e-2588-1159 (0866-8612)	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2024 0 – 1,0 từ 2025
13.	Khoa học Đại học Sài Gòn	1859-3208	Tạp chí	Trường Đại học Sài Gòn	0 – 0,5
14.	Khoa học Đại học Văn Hiến	1859-2961	Tạp chí	Trường Đại học Văn Hiến	0 – 0,5 từ 2017
15.	Khoa học	1859-3100-V 2734-9918-E	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5
16.	Khoa học xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện KHXH vùng Trung Bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020
17.	Khoa học xã hội TP Hồ Chí Minh	1859-0136 e-3030-4067	Tạp chí	Viện KHXH vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020 0 – 0,5 từ 2024
18.	Khoa học xã hội và nhân văn	2354-1172 3093-317X 3093-3889 3093-3900	Tạp chí	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5 từ 2016 0 – 0,75 từ 2024 0 – 1,0 từ 2025
19.	Khoa học xã hội Việt Nam	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2024

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

20.	Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á	0866-7314	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2017
21.	Nghiên cứu Châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020
22.	Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông	1859-0519	Tạp chí	Viện Nghiên cứu châu Phi và Trung Đông, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2019
23.	Nghiên cứu con người	2815-5777 (328-1557)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020 0 – 0,75 từ 2024
24.	Nghiên cứu dân tộc	0866-773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc	0 – 0,5 từ 2019 0 – 0,75 từ 2023 0 từ tháng 6/2025
25.	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản)	2534-077X (0868-3646)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020
26.	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
27.	Nghiên cứu Lịch sử	0866-7497	Tạp chí	Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
28.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020
29.	Phát triển khoa học và công nghệ	1859-0128 2588-1043	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2017 0 – 0,75 từ 2024 0 – 1,0 từ 2025
30.	Thông tin khoa học lý luận chính trị	2354-1040	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2019 0 – 0,75 từ 2024
31.	Thông tin Khoa học xã hội	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020
32.	Triết học	0866-7632	Tạp chí	Viện Triết học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020
33.	Văn hóa học	1859-4859	Tạp chí	Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2025
34.	Văn hoá nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2025
35.	Xã hội học Việt Nam (Tên cũ: Xã hội học)	2615-9163 (0866-7659)	Tạp chí	Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

36.	Chính trị và Phát triển	1859-2457	Tạp chí	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2024 0 – 0,75 từ 2025
37.	Khoa học và công nghệ Việt Nam (Bản D) VMOST Journal of Social Sciences and Humanities	p-2734-9748 e-2815-6471	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2023 0 – 0,75 từ 2025
38.	Khoa học	2588-1264	Tạp chí	Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2024
39.	Khoa học ĐH Đồng Tháp	0866-7675	Tạp chí	Trường Đại học Đồng Tháp	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2025
40.	Khoa học và Công nghệ ĐH Duy Tân	1959-4905	Tạp chí	Trường Đại học Duy Tân	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2025
41.	Khoa học	2354-1512	Tạp chí	Trường Đại học Thủ đô	0 – 0,25 từ 2023 0 – 0,5 từ 2025
42.	Quản lý nhà nước	2354-0761 e-2815-5831 2815-6021-E	Tạp chí	Học viện Hành chính Quốc gia	0 – 0,25 từ 2023
43.	Lý luận Chính trị	p-2525-2585 e-2525-2607 2525-2593-E (0868-2771)	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2024 0 – 0,75 từ 2025
44.	Khoa học Đại học Cần Thơ	1859-2333 e-2815-5599	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2024
45.	Khoa học Giáo dục Việt Nam	p-2615-8957-V e-3030-4490-V 2615-8965 e-3030-4512-E	Tạp chí	Viện Khoa học Giáo dục Việt nam	0 – 0,25 từ 2025
II	Nhóm các Tạp chí trong nước áp dụng cho ngành Văn hóa, Nghệ thuật				
46.	Di sản văn hóa	1859-4956	Tạp chí	Cục Di sản Văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,75 trước 2019
47.	Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam	0863-3093	Tạp chí	Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam	0 – 0,5
48.	Giáo dục Âm nhạc	2354-1326	Tạp chí	Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam	0 – 0,5 từ 2016
49.	Giáo dục nghệ thuật	1859-4964	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2025
50.	Khảo cổ học	0866-742	Tạp chí	Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

51.	Khoa học	0866-7594	Tạp chí	Trường Đại học Hà Tĩnh	0 – 0,5
52.	Khoa học	0866-8051	Tạp chí	Trường Đại học Mở Hà Nội	0 – 0,25 từ 2020
53.	Khoa học: Khoa học Xã hội và Nhân văn	2815-5653 1859-2325	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2025
54.	Khoa học	2354-1431	Tạp chí	Trường Đại học Tân Trào	0 – 0,25 từ 2020
55.	Khoa học Trường Đại học Trà Vinh	2815-6072 e-2815-6099 (1859-4816)	Tạp chí	Trường Đại học Trà Vinh	0 – 0,5 từ 2016 0 – 0,75 từ 2024
56.	Khoa học Xã hội Tây Nguyên	1859-4042	Tạp chí	Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
57.	Lý luận phê bình văn học nghệ thuật	0866-7349	Tạp chí	Hội đồng Lý luận phê bình Văn học Nghệ thuật Trung ương	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2025
58.	Nghiên cứu Âm nhạc	1859-4360	Tạp chí	Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam	0 – 0,75
59.	Nghiên cứu Mỹ thuật	1859-4697	Tạp chí	Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam	0 – 0,75
60.	Nghiên cứu Sân khấu - Điện ảnh	2354-0680	Tạp chí	Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội	0 – 0,5 từ 2016 0 – 0,75 từ 2025
61.	Nghiên cứu Tôn giáo	1859-0403	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
62.	Nghiên cứu văn hóa	0866-7667	Tạp chí	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	0 – 0,75
63.	Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam (Tên cũ: Nghiên cứu văn hóa dân gian)	3030-4121 (0866-7284)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2022
64.	Nghiên cứu Văn học	1859-2856	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 0,5
65.	Nhạc Việt	2354-1156	Tạp chí	Học viện Âm nhạc Huế	0 – 0,5 từ 2019
66.	Thông tin và Tư liệu	1859-2929	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5
67.	Thư viện Việt Nam	1859-1450	Tạp chí	Thư viện Quốc gia Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,5 trước 2019
68.	Văn hóa và Nguồn lực	2354-0907	Tạp chí	Trường Đại học Văn hóa TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2019

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

69.	Xưa và nay	0868-331X	Tạp chí	Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam	0 – 0,5
70.	Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển	2815-5963	Tạp chí	Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2024 0 – 0,75 từ 2025
71.	Khoa học Đại học Hạ Long	2815-5521	Tạp chí	Trường Đại học Hạ Long	0 – 0,25 từ 2024
72.	Mỹ thuật	1859-1590	Tạp chí	Hội Mỹ thuật Việt Nam	0 – 0,5 từ 2024
73.	Khoa học Đại học Khánh Hòa	2588-1353	Tạp chí	Trường Đại học Khánh Hòa	0 – 0,25 từ 2024 0 – 0,5 từ 2025
74.	Nguồn sáng Dân gian	2525-2240	Tạp chí	Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam	0 – 0,25 từ 2024
75.	Nghiên cứu Khoa học và Phát triển	2815-570X	Tạp chí	Trường Đại học Thành Đô	0 – 0,25 từ 2025
76.	Khoa học Đại học Văn Lang	2525-2419	Tạp chí	Trường Đại học Văn Lang	0 – 0,25 từ 2025
III	Nhóm các tạp chí trong nước áp dụng cho ngành Báo chí, truyền thông				
77.	Báo chí và Tuyên truyền	1859-0411	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019
78.	Khoa học công nghệ Thông tin và Truyền thông	2525-2224	Tạp chí	Học viện Công nghệ Bưu chính - Viễn thông	0 – 0,5 từ 2019 0 – 0,75 từ 2024
79.	Lịch sử Đảng	(1859-1590)	Tạp chí	Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5
80.	Lý luận Chính trị	p-2525-2585 e-2525-2607 2525-2593-E (0868-2771)	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 từ 2017 0 – 0,75 từ 2021 0 – 1,0 từ 2024
81.	Lý luận Chính trị và Truyền thông (bản in)	1859-1485	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019 0 – 1,0 từ 2024
	Lý luận Chính trị và Truyền thông (bản điện tử)	2734-9764			0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2024 0 – 0,75 từ 2025

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

82.	Journal of Political Theory and Communication	2734-9772	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2022 0 – 0,5 từ 2024 0 – 0,75 từ 2025
83.	Người làm báo	0866-7691	Tạp chí	Hội Nhà báo Việt Nam	0 – 0,5
84.	Tuyên giáo	1859-2295	Tạp chí	Ban Tuyên giáo Trung ương	0 – 0,5
IV	Nhóm các tạp chí trong nước áp dụng cho ngành Thể dục thể thao				
85.	Khoa học Đào tạo và huấn luyện Thể thao	1859-4417	Tạp chí	Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh	0 - 0,5 0 – 0,75 từ 2019 0 – 1,0 từ 2025
	Khoa học Đào tạo và huấn luyện Thể thao (bản điện tử)	e-3030-4822			0 – 0,5 từ 2025
86.	Khoa học Thể dục Thể thao	1859-4662	Tạp chí	Viện Khoa học Thể dục Thể thao	0 – 0,75
87.	Khoa học và đào tạo Thể dục thể thao	0866-8108	Tạp chí	Trường Đại học Thể dục thể thao TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5
88.	Khoa học và đào tạo thể thao	2588-1345	Tạp chí	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng	0 – 0,5 từ 2019
89.	Sinh lý học Việt Nam	1859-2376	Tạp chí	Hội Sinh lý học Việt Nam	0 – 0,5
90.	Tâm lý học	1859-0098	Tạp chí	Viện Tâm lý học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
91.	Y học thực hành	1859-1663	Tạp chí	Bộ Y tế	0 – 0,5
92.	Khoa học giáo dục thể chất và thể thao trường học	2615-9767	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội	0 – 0,25 từ 2023 0 – 0,5 từ 2024
V	Nhóm các Tạp chí trong nước áp dụng cho ngành Du lịch				
93.	Du lịch Việt Nam	0866-7373	Tạp chí	Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,75
94.	Khoa học Đại học Hạ Long	2815-5521	Tạp chí	Trường Đại học Hạ Long	0 – 0,25 từ 2024
95.	Khoa học và Công nghệ	2615-9015	Tạp chí	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	0 – 0,25 từ 2024
96.	Khoa học Đại học Khánh Hòa	2588-1353	Tạp chí	Trường Đại học Khánh Hòa	0 – 0,25 từ 2025
97.	Khoa học và Kinh tế phát triển	2588-1272	Tạp chí	Trường Đại học Nam Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2025

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

98.	Nghiên cứu Khoa học và Phát triển	2815-570X	Tạp chí	Trường Đại học Thành Đô	0 – 0,25 từ 2025
-----	-----------------------------------	-----------	---------	-------------------------	------------------

Ghi chú: (*) HDGS liên ngành xác định cụ thể trong các tạp chí khoa học thuộc: Viện Hàn lâm khoa học, các Viện nghiên cứu chuyên ngành và các trường đại học hàng đầu của Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Anh, Đức.

c) Nhà xuất bản có uy tín:

- *Nhà xuất bản quốc tế có uy tín:* Các Nhà xuất bản của các Viện Hàn lâm khoa học và các trường đại học hàng đầu của các ngành liên quan thuộc các nước: Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Anh, Đức;

- *Nhà xuất bản quốc gia uy tín:* Chính trị quốc gia - Sự thật; Giáo dục; Đại học Quốc gia Hà Nội; Khoa học Xã hội; Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh; Đại học sư phạm Hà Nội; Thế giới; Văn hóa dân tộc; Sân khấu; Văn học; Âm nhạc; Mỹ thuật; Thể dục Thể thao, Thông tin và Truyền thông.